

HƯỚNG DẪN ÁP DỤNG QĐ SỐ 2966/QĐ-UBND, 2967/QĐ-UBND LẬP DỰ TOÁN THEO PP LẬP ĐƠN GIÁ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH

Thông tư số **05/2016/TT-BXD** ngày 10/03/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định đơn giá nhân công trong quản lý chi phí đầu tư xây dựng có hiệu lực từ ngày **01/05/2016**. Điểm cần lưu ý trong Thông tư này là mức lương vùng công bố nằm trong khoảng Min-Max, các địa phương phải tiến hành khảo sát giá nhân công thực tế tại địa phương và tiến hành công bố mức lương nhân công theo vùng.

Ngày **21/11/2016**, UBND tỉnh Tây Ninh đã ban hành QĐ số **2966/QĐ-UBND** (sau đây gọi tắt là 2966) công bố Đơn giá nhân công xây dựng trên địa bàn tỉnh Tây Ninh và QĐ số **2967/QĐ-UBND** (sau đây gọi tắt là 2967) công bố Giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

Phần mềm ADTPro phiên bản 9.6.43 phát hành ngày 05/12/2016 đã nâng cấp các chức năng đáp ứng yêu cầu lập dự toán phù hợp QĐ số 2966/QĐ-UBND và QĐ số 2967/QĐ-UBND.

I. Tìm hiểu về Đơn giá nhân công xây dựng, Giá ca máy và thiết bị thi công theo công bố:

1. Đơn giá nhân công xây dựng:

Bảng đơn giá nhân công xây dựng công bố theo QĐ số 2966/QĐ-UBND được lập căn cứ theo hướng dẫn của Thông tư số 05/2016/TT-BXD. Mức lương cơ sở đầu vào để xác định đơn giá nhân công gồm 2 vùng:

- Vùng II gồm: Thành phố Tây Ninh, Huyện Trảng Bàng và Huyện Gò Dầu. LNC2 = **2.320.000** đồng/tháng.

- Vùng III gồm: Huyện Dương Minh Châu, Tân Châu, Tân Biên, Châu Thành, Bến Cầu, Hòa Thành. LNC3 = **2.154.000** đồng/tháng.

Lưu ý: Bảng đơn giá nhân công xây dựng chỉ công bố đơn giá nhân công bậc chẵn, **không** công bố nhân công bậc lẻ như 2,5/7; 2,7/7; 3,2/7; 3,5/7; 3,7/7; 4,5/7.

2. Giá ca máy và thiết bị thi công:

Bảng giá ca máy công và thiết bị thi công xây dựng công bố theo QĐ số 2967/QĐ-UBND đã được tính toán trên cơ sở thông tư số 06/2016/TT-BXD, nguyên giá ca máy theo thông tư số 06/2010/TT-BXD, định mức các hao phí theo QĐ số 1134/QĐ-BXD.

Giá nhiên liệu, năng lượng xác định tính giá ca máy là giá chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng, chi tiết như sau:

STT	Nhiên liệu, năng lượng	ĐVT	Giá công bố	Thuế BVMT	VAT	Đơn giá (chưa thuế VAT)
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[8]
1	Dầu Diesel	lít	11,910	1,500	10	10,963.64
2	Xăng	lít	15,370	3,000	10	14,245.45
3	Điện	Kwh				1,518
4	Dầu Mazut (3,0S)	Lít	9,230	900	10	8,472.73

Cách tính giá nhiên liệu chưa bao gồm thuế GTGT:

$$- [8] = ([4] - [5]) / (1 + [6] / 100) + [5]$$

$$- [8] = ([4] - [5]) / 1.1 + [5].$$

Mức lương cơ sở đầu vào để xác định chi phí nhân công điều khiển máy thi công gồm 2 vùng:

- Vùng II gồm: Thành phố Tây Ninh, Huyện Trảng Bàng và Huyện Gò Dầu. $L_{NC2} = 2.320.000$ đồng/tháng.

- Vùng III gồm: Huyện Dương Minh Châu, Tân Châu, Tân Biên, Châu Thành, Bến Cầu, Hòa Thành. $L_{NC3} = 2.154.000$ đồng/tháng.

II. Áp dụng QĐ số 2966/QĐ-UBND, 2967/QĐ-UBND để lập dự toán xây dựng công trình:

Phần sau đây hướng dẫn áp dụng QĐ số 2966/QĐ-UBND và 2967/QĐ-UBND lập dự toán theo phương pháp **lập đơn giá xây dựng công trình** (Sử dụng bộ định mức xây dựng công trình, định mức chuyên ngành lập dự toán xây dựng công trình).

1. Bảng tổng hợp nhân công (sheet NC): Có thể chọn 1 trong 2 cách, chọn đơn giá nhân công theo công bố tại QĐ số 2966/QĐ-UBND hoặc sử dụng chức năng tính lương nhân công xây dựng theo Thông tư số 05/2016/TT-BXD. Cả hai cách này đều cho cùng một kết quả đơn giá nhân công xây dựng.

1.1 Đơn giá nhân công theo công bố: Nhấn chuột phải chọn “**Đơn giá nhân công theo công bố**” như hình sau:

Lấy lại đơn giá nhân công gốc	
Tính lương nhân công (NĐ số 205/2004/NĐ-CP)... F5	
Tính lương nhân công theo công bố... F6	
Đơn giá nhân công theo công bố...	
Tính lương nhân công (TT số 01/2015/TT-BXD; 05/2016/TT-BXD)...	

Chọn **văn bản công bố nhân công** là 2966/QĐ-UBND, mức lương công bố chọn như sau:

1. Chọn mức lương **2.320.000** đồng/tháng (Khu vực thành phố Tây Ninh, Huyện Trảng Bàng và Huyện Gò Dầu).
2. Chọn mức lương **2.154.000** đồng/tháng (Khu vực huyện Dương Minh Châu, Tân Châu, Tân Biên, Châu Thành, Bến Cầu và Hòa Thành).

Chọn đơn giá nhân công xây dựng theo công bố

- Sử dụng menu 'Bảng giá nhân công xây dựng theo công bố' để cập nhật bảng giá nhân công xây dựng theo công bố hoặc cập nhật ADTPro phiên bản mới nhất để tải về bảng giá nhân công theo công bố.
- Chọn 'Chấp nhận' nếu bạn muốn áp dụng cột giá trị 'Lương ngày công' cho hạng mục công trình hiện tại.

Chọn văn bản công bố nhân công: **2966/QĐ-UBND** Mức lương công bố: **2,320,000**

Công bố Đơn giá nhân công xây dựng trên địa bàn tỉnh Tây Ninh, công bố theo văn bản số 2966/QĐ-UBND ngày 21/11/2016

Mã VLNC	Cấp bậc thợ	ĐVT	Hệ số Bậc lương	Lương tối thiểu	Lương ngày công	Ghi chú
N24307	Nhân công 3,0/7 (nhóm I)	công	2.160	2,320,000	192,738	
N24357	Nhân công 3,5/7 (nhóm I)	công	2.355	2,320,000	210,138	
N24407	Nhân công 4,0/7 (nhóm I)	công	2.550	2,320,000	227,538	
N24457	Nhân công 4,5/7 (nhóm I)	công	2.780	2,320,000	248,062	
N33357	Nhân công 3,5/7 (nhóm II)	công	2.510	2,320,000	236,462	
N33407	Nhân công 4,0/7 (nhóm II)	công	2.710	2,320,000	255,200	

Chấp nhận **Đóng**

1.2 Tính lương nhân công theo TT số 05/2016/TT-BXD: Nhấn chuột phải chọn “**Tính lương nhân công (TT số 01/2015/TT-BXD; 05/2016/TT-BXD)**” như hình sau:

Lấy lại đơn giá nhân công gốc	
Tính lương nhân công (NB số 205/2004/NĐ-CP)... F5	
Tính lương nhân công theo công bố... F6	
Đơn giá nhân công theo công bố...	
Tính lương nhân công (TT số 01/2015/TT-BXD; 05/2016/TT-BXD)...	

Tại màn hình tính lương nhân công xây dựng chọn **mức lương** cơ sở đầu vào như sau:

1. Chọn mức lương **2.320.000** đồng/tháng (Khu vực thành phố Tây Ninh, Huyện Trảng Bàng và Huyện Gò Dầu).
2. Chọn mức lương **2.154.000** đồng/tháng (Khu vực huyện Dương Minh Châu, Tân Châu, Tân Biên, Châu Thành, Bến Cầu và Hòa Thành).

Bảng tính lương nhân công xây dựng (01/2015/TT-BXD; 05/2016/TT-BXD)

- Chức năng này cho phép xem và tính đơn giá nhân công xây dựng theo Thông tư số 01/2015/TT-BXD, 05/2016/TT-BXD.
- Chọn 'Chấp nhận' nếu bạn muốn áp dụng cột giá trị 'Lương ngày công' cho hạng mục công trình hiện tại.

Chọn mức lương: Số ngày:

Mã VLNC	Cấp bậc nhân công xây dựng	Hệ số lương		Lương vùng	Lương tháng	Số ngày	Lương ngày công
		205/2004/NB-CP	01/2015/TT-BXD				
N24307	Nhân công 3,0/7 (nhóm I)	2.160	2.160	2,320,000	5,011,200	26	192,738
N24357	Nhân công 3,5/7 (nhóm I)	2.355	2.355	2,320,000	5,463,600	26	210,138
N24407	Nhân công 4,0/7 (nhóm I)	2.550	2.550	2,320,000	5,916,000	26	227,538
N24457	Nhân công 4,5/7 (nhóm I)	2.780	2.780	2,320,000	6,449,600	26	248,062
N33357	Nhân công 3,5/7 (nhóm II)	2.510	2.650	2,320,000	6,148,000	26	236,462
N33407	Nhân công 4,0/7 (nhóm II)	2.710	2.860	2,320,000	6,635,200	26	255,200

Căn cứ in bảng tính lương nhân công:

STT	Nội dung
1	Quyết định số 2966/QĐ-UBND ngày 21/11/2016 của UBND tỉnh Tây Ninh w/v công bố Đơn giá nhân công xây dựng trên địa bàn tỉnh Tây

Chấp nhận

Chọn “**Chấp nhận**”, phần mềm sẽ đưa kết quả tính lương nhân công vào cột “**Lương ngày công**” tại sheet **NC**.

Lưu ý: QĐ số 2966/QĐ-UBND không công bố đơn giá nhân công bậc lẻ, đơn giá nhân công bậc lẻ cập nhật trong phần mềm ADTPro được nhập liệu và tính toán trên cơ sở nội suy từ nhân công bậc chẵn. Đề nghị lựa chọn cách thứ 2 (Tính lương nhân công theo TT số 05/2016/TT-BXD) để xác định đơn giá nhân khi lập dự toán xây dựng công trình.

2. Bảng tổng hợp ca máy (sheet MAY): Có thể chọn 1 trong 2 cách, chọn Giá ca máy theo công bố địa phương công bố (ADTPro đã cập nhật dữ liệu) hoặc sử dụng chức năng tính giá ca máy 06/2016/TT-BXD. Cả hai cách này đều cho cùng một kết quả.

2.1 Chọn Giá ca máy theo công bố địa phương:

Nhấn chuột phải chọn “**Giá ca máy theo công bố địa phương (cột giá gốc)...**” như hình sau:

Lấy lại giá ca máy gốc (ban hành kèm bộ đơn giá XD/CB)
Giá ca máy theo công bố địa phương (cột giá gốc)...
Tính giá ca máy 06/2010/TT-BXD (cột giá gốc)...
Tính giá ca máy 06/2010/TT-BXD - 01/2015/TT-BXD (cột giá gốc)...
Tính giá ca máy 06/2016/TT-BXD (cột giá gốc)...

Chọn **văn bản công bố giá ca máy** là 2967/QĐ-UBND, mức lương công bố chọn như sau:

1. Chọn mức lương **2.320.000** đồng/tháng (Khu vực thành phố Tây Ninh, Huyện Trảng Bàng và Huyện Gò Dầu).
2. Chọn mức lương **2.154.000** đồng/tháng (Khu vực huyện Dương Minh Châu, Tân Châu, Tân Biên, Châu Thành, Bến Cầu và Hòa Thành).

Chọn đơn giá ca máy - thiết bị thi công theo công bố

- Sử dụng menu 'Bảng giá ca máy - thiết bị thi công theo công bố' để cập nhật bảng giá ca máy - thiết bị thi công theo công bố hoặc cập nhật ADTPro phiên bản mới nhất để tải về bảng giá ca máy - thiết bị thi công.
- Chọn 'Chấp nhận' nếu bạn muốn áp dụng cột 'Giá ca máy' cho hạng mục công trình hiện tại.

Chọn văn bản công bố giá ca máy: **2967/QĐ-UBND** Chọn mức lương: **2.320.000**

Công bố Giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh, công bố theo văn bản số 2967/QĐ-UBND ngày 21/11/2016

Mã VLNC	Loại máy - thiết bị thi công	ĐVT	Giá ca máy công bố		Ref
			Mức lương	Giá ca máy	
M240042	Cần trục bánh hơi 16T	ca	2.320.000	1.674.268	
M240271	Cần trục ô tô - sức nâng 10T	ca	2.320.000	1.931.306	
M240272	Cần trục ô tô - sức nâng 16T	ca	2.320.000	2.167.718	
M240039	Cần trục ô tô 10T	ca	2.320.000	1.931.306	
M240018	Đảm bàn 1Kw	ca	2.320.000	220.103	
M240020	Đảm dùi 1,5 KW	ca	2.320.000	223.341	
M240110	Máy cắt gạch đá 1,7KW	ca	2.320.000	222.299	
M240118	Máy cắt uốn cốt thép 5KW	ca	2.320.000	225.640	
M240130	Máy hàn 23 KW	ca	2.320.000	335.547	
M240141	Máy khoan 4,5KW	ca	2.320.000	266.559	
M240166	Máy nén khí điêzen 360m3/h	ca	2.320.000	897.996	
M240192	Máy trộn bê tông 250l	ca	2.320.000	286.062	
M240195	Máy trộn vữa 80l	ca	2.320.000	230.540	
M240196	Máy vận thăng 0,8T	ca	2.320.000	375.932	

Chọn “Chấp nhận”, phần mềm sẽ đưa giá ca máy theo công bố (do ADTPro cập nhật sẵn) vào cột Đơn giá ca máy (cột giá gốc) tại sheet MAY.

Lưu ý: Giá ca máy và thiết bị thi công công bố tại QĐ số 2967/QĐ-UBND tính với giá nhiên liệu công bố ngày **19/08/2016**. Tại thời điểm lập dự toán, giá nhiên liệu có thay đổi tăng/giảm so với giá công bố ngày 19/08/2016 cần phải thực hiện thêm chức năng tính bù chênh lệch nhiên liệu.

2.2 Tính giá ca máy 06/2016/TT-BXD:

Ngoài cách sử dụng giá ca máy và thiết bị thi công theo công bố tại QĐ số 2967/QĐ-UBND để lập dự toán, phần mềm ADTPro còn cung cấp chức năng tính giá ca máy theo TT số 06/2016/TT-BXD. Để tính giá ca máy theo Thông tư số 06/2016/TT-BXD cần thực hiện theo hướng dẫn sau:

Nhấn chuột phải vào cột giá gốc chọn “**Tính giá ca máy 06/2016/TT-BXD (cột giá gốc)**”.

Lấy lại giá ca máy gốc (ban hành kèm bộ đơn giá XDCB)
Giá ca máy theo công bố địa phương (cột giá gốc)...
Tính giá ca máy 06/2010/TT-BXD (cột giá gốc)...
Tính giá ca máy 06/2010/TT-BXD - 01/2015/TT-BXD (cột giá gốc)...
Tính giá ca máy 06/2016/TT-BXD (cột giá gốc)...

a. Khai báo giá nhiên liệu, năng lượng và hệ số chi phí nhiên liệu phụ:

Nhấn vào **Chọn giá nhiên liệu theo công bố Petrolimex**, tại màn hình chọn giá nhiên liệu, năng lượng, chọn QĐ hoặc thông cáo báo chí giá xăng dầu của Petrolimex công bố tại thời điểm lập dự toán.

Giá nhiên liệu, năng lượng - hạng mục công trình đang áp giá xăng dầu vùng 1

Chọn số QĐ: **TCBC/19/08/2016**

Petrolimex TCBC giá xăng dầu áp dụng từ 15 giờ 30 ngày 19 tháng 08 năm 2016

Mã nhiên liệu	Tên nhiên liệu	ĐVT	Giá công bố	LPXD	QBOXD	VAT	Giá trước thuế	Ghi Chú
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]	[8]	[9]
Diezel	Dầu Diezel	lít	11.910	1.500		10	10.964	...
Xang	Xăng	lít	15.370	3.000		10	14.245	...
Điện	Điện	Kwh					1.518	...
Mazut	Dầu Mazut	lít	9.230	900		10	8.473	...

Ghi chú:

- Có thể xác định giá xăng dầu trước thuế theo 1 trong 2 cách sau đây:
- TH1 (Trừ LPXD và QBOXD): $[8] = ([4] - [5] - [6]) / (1 + [7]/100) + [5] + [6]$
- TH2 (Giá công bố chia cho 1.1): $[8] = [4] / (1 + [7]/100)$
- LPXD: Lệ phí xăng dầu
- QBOXD: Quỹ bình ổn giá xăng dầu

Chấp nhận **Đóng** [Thông cáo báo chí giá xăng dầu Petrolimex](#)

b. Khai báo mức lương nhân công đầu vào tính giá ca máy:

Chọn **mức lương** cơ sở đầu vào để tính giá ca máy, thiết bị thi công như sau:

1. Chọn mức lương **2.320.000** đồng/tháng (Khu vực thành phố Tây Ninh, Huyện Trảng Bàng và Huyện Gò Dầu).
2. Chọn mức lương **2.154.000** đồng/tháng (Khu vực huyện Dương Minh Châu, Tân Châu, Tân Biên, Châu Thành, Bến Cầu và Hòa Thành).

Lương thợ điều khiển máy thi công:

Chọn mức lương: **2.320.000** Số ngày: **26** Quyết định số 2966/QĐ-UBND ngày 21/11/2016 của UBND tỉnh Tây Ninh w/c

Sau khi hoàn thành khai báo giá nhiên liệu, mức lương cơ sở và hệ số chi phí nhiên liệu phụ, nhấn **"Tính giá ca máy"**, phần mềm ADTPro sẽ thực hiện tính giá ca máy theo đúng công bố tại QĐ số 2967/QĐ-UBND.

Tính giá ca máy

Lựa chọn in bảng tính giá ca máy: các phiên bản trước đây, phần mềm ADTPro chỉ hỗ trợ duy nhất một kiểu bảng tính giá ca máy, kiểu bảng dọc (Bảng phân tích bảng giá ca máy máy tương tự bảng phân tích đơn giá dự thầu), từ phiên bản 9.6.31 đã bổ sung theo tùy chọn tính theo bảng ngang hoặc bảng dọc.

Chọn kiểu tính

Bảng tính ngang

Bảng tính dọc

Nhấn “**Chấp nhận**” phần mềm ADTPro sẽ đưa kết quả tính giá ca máy vào cột “**Giá ca máy**” tại sheet **Máy**, sử dụng giá ca máy này để lập dự toán theo phương pháp lập đơn giá xây dựng công trình.

Hình sau đây minh họa Bảng giá ca máy, thiết bị thi công tính toán bởi ADTPro với thông tin đầu vào gồm giá nhiên liệu, năng lượng, mức lương cơ sở đầu vào, hệ số chi phí nhiên liệu phụ quy định tại QĐ số 2967/QĐ-UBND, kết quả tính giá ca máy của phần mềm ADTPro hoàn toàn trùng khớp Bảng giá ca máy, thiết bị thi công do UBND tỉnh Tây Ninh công bố tại QĐ số 2967/QĐ-UBND.

Giá nhiên liệu, năng lượng (chưa bao gồm thuế VAT):

Diezel (đ/lít): 10963,64 | Xăng (đ/lít): 14245,45 | Điện (đ/kWh): 1518 | Mazut (đ/lít): 8472,73 | Chọn giá nhiên liệu theo công bố Petrolimex

Lương thợ điều khiển máy thi công:

Chọn mức lương: 2.320.000 | Số ngày: 26 | Quyết định số 2966/QĐ-UBND ngày 21/11/2016 của UBND tỉnh Tây Ninh w/c | In bảng tính lương NC lái máy

Mã Máy	Tên máy - thiết bị thi công (Theo QĐ số 1134/QĐ-BXD)	Nguyên giá (1000 đ)	Số ca /năm	Đ. mức KH, SC, CPK			Định mức tiêu hao nhiên liệu				Giá ca máy
				K.hao	S.chữa	CPK	Diezel	Xăng	Điện	Mazut	
M102.0105	Cần trục ô tô - sức nâng: 10 T	1.158.800	220	10	4,50	5	37,00				1.931.306
M102.0106	Cần trục ô tô - sức nâng: 16 T	1.357.800	220	10	4,50	5	43,00				2.167.718
M102.0201	Cần trục bánh hơi - sức nâng: 16 T	900.600	200	10	4,50	5	33,00				1.674.268
M102.0901	Máy vận thăng - sức nâng: 0,8 T - H nâng 80 m	163.700	280	18	4,30	5			21		375.931
M104.0101	Máy trộn bê tông - dung tích: 250,0 lít	26.350	110	20	6,50	5			11		286.061
M104.0201	Máy trộn vữa - dung tích: 80,0 lít	11.200	120	20	6,80	5			5		230.540
M108.0304	Máy nén khí, động cơ diesel - năng suất: 360 m3/h	189.300	150	12	5,40	5	35,00				897.996
M112.1101	Máy đầm bê tông, đầm bàn - công suất: 1,0 kW	5.600	110	25	8,80	4				5	220.102
M112.1302	Máy đầm bê tông, đầm dùi - công suất: 1,5 kW	6.450	110	20	8,80	4				7	223.340
M112.1502	Máy khoan đứng - công suất: 4,5 kW	57.200	200	14	4,10	4				9	266.558
M112.2101	Máy cắt gạch đá - công suất: 1,7 kW	7.900	80	14	7,00	4				3	222.299
M112.2601	Máy cắt uốn cốt thép - công suất: 5 kW	18.200	220	14	4,10	4				9	225.639
M112.4003	Biển thể hàn xoay chiều - công suất: 23 kW	16.000	180	24	4,80	5				48	335.546

Record: 1 of 13

Thành phần - cấp bậc thợ điều khiển máy:

STT	Mã NC	Cấp bậc thợ điều khiển máy	ĐVT	Định mức
1	B4.2.14	Công nhân lái xe bậc 1/4 (Nhóm 2)	công	1
2	B4.2.34	Công nhân lái xe bậc 3/4 (Nhóm 2)	công	1

Chọn kiểu tính
 Bảng tính ngang
 Bảng tính dọc
Hệ số chi phí nhiên liệu phụ
 Xăng: 1,03 | Diezel: 1,05
 Điện: 1,07

Giá nhiên liệu, năng lượng tại thời điểm lập dự toán sẽ thay đổi (tăng/giảm) so với giá công bố ngày 19/08/2016 của Petrolimex. Sử dụng chức năng tính giá ca máy theo TT số 06/2016/TT-BXD để xác định chi phí máy thi công khi lập dự toán xây dựng công trình khu vực tỉnh Tây Ninh là phù hợp nhất.

Lưu ý:

1. Từ tháng 07/2013, các đơn vị tư vấn tại tỉnh Tây Ninh đã quen thuộc với cách tính giá ca máy và thiết bị thi công theo TT số 06/2010/TT-BXD để xác định chi phí máy thi công lập dự toán công trình. Do vậy chọn cách thứ 2 (Tính giá ca máy 06/2016/TT-BXD) để lập dự toán/dự thầu là phù hợp nhất.
2. Nếu đã tính nhân công xây dựng và giá ca máy, thiết bị thi công với mức lương đầu vào theo qui định tại công văn số số 2966/QĐ-UBND, 2967/QĐ-UBND (vùng II: **2.320.000** đồng/tháng, vùng III: **2.154.000** đồng/tháng). Tại bảng THKP mục chi phí nhân công (B1) và chi phí máy thi công (C1) không cần nhân thêm hệ số điều chỉnh.
3. Một số loại máy, thiết bị thi công **không** có mã máy theo qui định tại QĐ số 1134/QĐ-BXD, phần mềm ADTPro đã bổ sung thêm bằng cách tham khảo máy qui định tại Thông tư số 06/2010/TT-BXD, các loại máy, thiết bị thi công bổ sung thêm này có mã hiệu máy bắt đầu từ **M901.XXX** và **M902.XXX**.

